

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày 11/09/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Long.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Ông Y Dim Kbuôr - Kiểm sát viên.

Ngày 11/09/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-ST ngày 25/08/2017, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Trương Công L, sinh năm: 1970 (có mặt)

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/04/2017 và trong quá trình xét xử sơ thẩm, nguyên đơn anh Trương Công L trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Thanh T sau quá trình tìm hiểu thì chính thức về chung sống với nhau từ năm 1989 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra những bất đồng, xung đột cãi vã, mặc dù đã cố gắng vun đắp nhưng cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2015 thì vợ chồng anh L và chị T sống ly thân cho đến nay, ai biết bổn phận người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Xét thấy tình cảm không còn nên anh Trương Công L có nguyện vọng là xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T có 03 con chung là: Trương Công P, sinh năm 1991, Trương Thị Kim Th, sinh năm 1992 và Trương Thị Kim Tr, sinh ngày 15/09/2001.

Hiện nay cháu Trương Thị Kim Tr đang sống với chị T nên anh L có nguyện vọng giao cháu Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Đối với Trương Công P và chị Trương Thị Kim Th đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh L và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 12/05/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Vào năm 1989 chị T và anh L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau cho đến nay không đăng ký kết hôn. Theo chị T nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh L thường xuyên uống rượu rồi đánh đập chị nhiều lần. Đến tháng 8 năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng nên anh L đã đánh đập chị và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Do cháu Tr còn nhỏ và đang sinh sống với chị T nên nguyện vọng của chị T là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Kim Tr, sinh ngày 15/09/2001 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Đối với Trương Công P, sinh năm 1991 và chị Trương Thị Kim Th, sinh năm 1992 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh L và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cháu Trương Thị Kim Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị T số tiền 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng một tháng) và đề nghị Tòa án ghi nhận về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con đồng thời yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại Phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 58, Điều 81, 82, 83; Điều 107, 110; 116, 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm c, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trương Công L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Trương Thị Kim Tr sinh ngày 15/09/2001 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Anh Trương Công L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.000.000đ/ tháng (Một triệu

đồng một tháng) phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Thị Kim Tr đủ 18 tuổi.

. Đối với Trương Công P sinh năm 1991 và chị Trương Thị Kim Th, sinh năm 1992 hiện nay đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về chia tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Trương Công L khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T cư trú tại Thôn T, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 24/04/2017, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn, đồng thời giải quyết việc nuôi con. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho tới nay. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện K ngày 25/8/2017 thì anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T chung sống như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc này anh L và chị T đều thừa nhận. Như vậy việc anh L và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c, khoản 3 Nghị Quyết số 35/ 2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T.

[4] Về con chung: anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T có 3 con chung gồm: Trương Công P sinh năm 1991, Trương Thị Kim Th sinh năm 1992, Trương Thị Kim Tr sinh ngày 15/09/2001.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã thỏa thuận: Giao cháu Trương Thị Kim Tr sinh ngày 15/09/2001 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. anh Trương Công L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị T số tiền 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Thị Kim Tr đủ 18 tuổi.

Anh Trương Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện K ngày 25/8/2017 thì anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T đều có nghề nghiệp ổn định, các đương sự đều có điều kiện nuôi con chung. Hiện nay cháu Trương Thị Kim Tr đang chung sống với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án thì cháu Trương Thị Kim Tr có nguyện vọng sống với chị T sau khi chị T và anh L ly hôn.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của của cháu Trương Thị Kim Tr nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Điều 107, 110; 116, 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình của để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với Trương Công P sinh năm 1991 và chị Trương Thị Kim Th, sinh năm 1992 hiện nay đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc anh Trương Công L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2014/0042842 ngày 08 tháng 5 năm 2017. Anh Trương Công L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107; 110; 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c, khoản 3 Nghị Quyết số 35/ 2000/ QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Công L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Công L và chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về nuôi con chung: ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Giao cháu Trương Thị Kim Tr sinh ngày 15/09/2001 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trúc đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: anh Trương Công L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị Thủy số tiền 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Thị Kim Tr đủ 18 tuổi.

Anh Trương Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với anh Trương Công P sinh năm 1991 và chị Trương Thị Kim Th, sinh năm 1992 hiện nay đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về chia tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trương Công L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2014/0042832 ngày 24/04/ 2017. Anh Trương Công L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- UBND xã U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long

